

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 07/2020/DS-ST

Ngày: 27- 02-2020

*"V/v Tranh chấp hợp đồng
góp hui"*.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Lanh**.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thị Thu Hà**.

2. Ông **Huỳnh Chí Trình**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Kiều Minh Tiến** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm không tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 312/2019/TLST – DS ngày 18 tháng 12 năm 2019 về **“Tranh chấp hợp đồng góp hui”** theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị N**, sinh năm: 1967 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện V, tỉnh L.

- Bị đơn: Bà **Đặng Ngân H** - sinh năm: 1964 (có mặt).

Địa chỉ: ấp S, xã T, huyện V, tỉnh L.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị **Nguyễn Thị Ngọc X** – sinh năm: 1978 (vắng, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp S, xã T, huyện V, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện ngày 13 tháng 11 năm 2018, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị N trình bày:**

Bà N có tham gia 01 dây hui do bà Đặng Ngân H làm đầu thảo cụ thể như sau:

Hụi tháng 2.000.000đ, một tháng kêu hụi một lần, mở hụi ngày 14/11/2016 (âl), hụi gồm có 21 phần, bà N tham gia 01 phần, mỗi lần khai đầu thảo hưởng hoa hồng là 1.000.000.000đ. Bà N đóng hụi sống được 04 lần, thì bán hụi lại cho chị Nguyễn Thị Ngọc X, sau đó chị X đóng hụi sống đến lần thứ 12, lần thứ 13 thì chị X kêu hốt hụi, chị X bỏ thăm là 260.000đ, số tiền bà H phải giao hụi sau khi trừ thảo là 36.920.000đ. Nhưng bà H không thừa nhận việc bán hụi giữa bà N với chị X với lý do là trên danh sách hụi là tên của bà N không phải tên của chị X.

Nay bà N khởi kiện yêu cầu bà H phải trả lại số tiền hụi cho bà N 12 lần đóng là 24.000.000đ và yêu cầu tính lãi với mức lãi suất là 1,125%/tháng, từ ngày 14/11/2017 đến ngày 14/11/2018 là 12 tháng, tHnh tiền là 3.240.000đ. Đồng thời, bà H yêu cầu tiếp tục tính lãi với mức lãi suất là 1,125%/tháng từ ngày 15/11/2018 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án. Phần mua bán hụi giữa bà N và bà X thì để bà N và bà X tự thỏa thuận giải quyết.

Tại phiên tòa bà H xin rút lại đối với yêu cầu tính lãi.

** Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Đặng Ngân H trình bày:*

Bà Trần Thị N có tham gia dây hụi do bà H làm đầu thảo cụ thể như sau:

Hụi tháng 2.000.000đ, một tháng kêu hụi một lần, mở hụi ngày 14/11/2016, hụi gồm có 21 phần, bà N tham gia 01 phần, mỗi lần khai đầu thảo hưởng hoa hồng là 1.000.000đ. Bà N đóng hụi sống đến lần thứ 12 thì bỏ thăm kêu hốt hụi, bà N bỏ thăm là 250.000đ, nhưng bà H không đồng ý giao hụi cho bà N vì bà N còn nợ bà H là 34 chỉ vàng 24K. Sau đó bà Liệt (là hụi viên chung dây hụi) kêu thêm 10.000đ là 260.000đ nên bà H đã giao hụi cho bà Liệt. Dây hụi này đã mãn hụi, từ lần thứ 13 trở đi thì bà H phải đóng hụi thay cho bà N cho đến khi mãn hụi.

Nay với yêu cầu khởi kiện của bà N yêu cầu bà H trả lại số tiền hụi là 24.000.000đ, trả lại tiền lãi với mức lãi suất là 1,125%/tháng, từ ngày 14/11/2017 đến ngày 14/11/2018 là 12 tháng, tHnh tiền là 3.240.000đ và tiếp tục tính lãi với mức lãi suất là 1,125%/tháng từ ngày 15/11/2018 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án thì bà H không đồng ý vì bà N còn nợ vàng của bà H. Bà N đóng hụi sống được 12 lần thì bà H đồng ý cho bà N hưởng số tiền là 24.000.000đ, bà H không trừ tiền đầu thảo, nhưng bà H chỉ đồng ý trả số tiền này cho bà N khi bà N trả số vàng nợ cho bà. Bà H có nghe Tòa án giải thích nhưng bà H không đồng ý làm đơn khởi kiện bà N trong vụ án này.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Ngọc X trình bày:*

Trong vụ án này chị X không có ý kiến hay yêu cầu gì. Vấn đề liên quan giữa chị X và bà N thì để hai người tự thỏa thuận giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: Danh sách hội

Bị đơn đã nộp: Bảng khai ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nộp: Bản khai ý kiến, đơn xin vắng mặt.

Tại phiên tòa đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên Toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Toà, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Bà Trần Thị N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết tranh chấp hợp đồng góp hội giữa bà và bà Đặng Ngân H. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

Chị Nguyễn Thị Ngọc X vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến Hnh xét xử vắng mặt chị X.

[2] Về nội dung vụ án:

Hợp đồng góp hội giữa bà Trần Thị N và bà Đặng Ngân H được thiết lập dựa trên sự tự nguyện giữa đôi bên nên hợp đồng này phù hợp theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà H và bà N đều thống nhất là bà N có tham gia 01 dãy hội tháng 2.000.000đ do bà H làm đầu thảo và bà N đã đóng hội sống được 12 lần.

Trong quá trình tham gia hội thì bà H cho rằng bà N còn nợ vàng của bà nên bà H không đồng ý cho bà N hốt hội.

Nay bà N khởi kiện yêu cầu bà H phải trả lại số tiền của 12 lần đóng hội sống là 24.000.000đ; Bà H cũng thừa nhận 12 lần đóng hội sống của bà N thì bà H cho bà N hưởng đủ số tiền là 24.000.000đ nhưng khi nào bà N trả vàng vay cho bà H thì bà H mới đồng ý trả số tiền nợ hội này cho bà N.

Xét thấy, bà H thừa nhận còn nợ bà N số tiền hội là 24.000.000đ nên buộc bà H phải có trách nhiệm trả lại cho bà N số tiền nợ hội 24.000.000đ là có cơ sở để chấp nhận.

Bà H cho rằng bà N còn nợ vàng của bà nhưng sau khi nghe Tòa án giải thích thì bà H không làm đơn khởi kiện yêu cầu bà N trả nợ nên không có cơ sở xem xét trong vụ án này. Bà H được quyền khởi kiện tranh chấp số vàng còn nợ với bà N trong một vụ kiện khác khi có yêu cầu.

Tại phiên Tòa bà N xin rút lại yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ hui 24.000.000đ nên đình chỉ đối với yêu cầu này của bà N.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là $24.000.000đ \times 5\% = 1.200.000đ$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Điều 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019, Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N

Buộc bà Đặng Ngân H phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Trần Thị N số tiền nợ hui là 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ đối với yêu cầu bà N về việc yêu cầu bà H phải trả lãi suất trên số tiền nợ hui là 24.000.000đ. Đương sự được quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu đã bị đình chỉ theo quy định của pháp luật.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Đặng Ngân H phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng).

Bà Trần Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Trần Thị N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 681.000đ (sáu trăm tám mươi một nghìn đồng) theo lai thu số N^o 0007836, ngày 18 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu.

Phạm Thị Lanh